

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁP MƯỜI  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 30-9-2020  
“V/v tranh chấp về hôn nhân gia  
đình - Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Vững.

2. Ông Nguyễn Văn Ánh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc – Thư ký Tòa án.

Trong các ngày 14/9 và 30/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 429/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020, về việc: “Tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 387/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 436/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị Đ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện T, Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Võ Thành T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Đ, huyện T, Đồng Tháp.

(Chị Đ có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị Đ trình bày:*

- Về hôn nhân: Tôi và anh T lấy nhau năm 2004 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng cũng hạnh phúc, đầm ấm. Nhưng gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do chúng tôi bất đồng quan điểm sống, vì vậy thường xuyên cãi vã khiến cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc mà luôn bị áp lực, nặng nề, không những vậy anh T không còn thương

tôi và con, không cùng tôi lo cho gia đình. Vì thương con tôi cố gắng chịu đựng mong chờ anh T suy nghĩ lại nhưng nay vợ chồng tôi không còn yêu thương như trước nữa. Đến nay tôi nhận thấy hôn nhân không còn nếu kéo được nữa, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Tôi yêu cầu được ly hôn với anh Võ Thành T.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Võ Ngọc T, sinh ngày 14/7/2005, hiện đang sống với tôi. Tôi yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có.

Ngoài ra, chị Đ không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

*\* Bị đơn anh Võ Thành T được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp văn bản ý kiến.*

*\* Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

1. Giấy chứng minh nhân dân (Bản photo);
2. Sổ hộ khẩu (Bản photo);
3. Giấy khai sinh T (Bản photo).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Lê Thị Đ về việc yêu cầu được ly hôn với anh Võ Thành T, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình - Ly hôn*”.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp 2, xã Đ, huyện T, Đồng Tháp; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, Đồng Tháp; theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Đ trình bày chị và anh T cưới nhau năm 2004 nhưng không có đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã. Vợ chồng đã cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng tình trạng không thay đổi được mà ngày càng trầm trọng. Nay, chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Thành T.

Về phía bị đơn anh Võ Thành T, từ khi Tòa án thụ lý vụ án và cấp, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T nhiều lần nhằm để

tạo điều kiện cho anh và chị Đ hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp văn bản ý kiến. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn cố tình vắng mặt đều này thể hiện sự thiếu trách nhiệm của anh T đối với cuộc hôn nhân, không có thiện ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Đ đối với anh Võ Thành T là có căn cứ nên chấp nhận. Nhưng do chị Đ và anh T không có đăng ký kết hôn nên vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”

Mặt khác, tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

1.....

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó không công nhận chị Đ và anh T là vợ chồng.

- Về quan hệ nuôi con: Theo chị Đ trình bày là có một con chung tên Võ Ngọc T, sinh ngày 14/7/2005, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu nuôi Ngọc T và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Ngọc T hiện nay đã 15 tuổi và nguyện vọng của Ngọc T cũng muốn sống với mẹ là chị Đ. Xét, yêu cầu của chị Đ và nguyện vọng của Ngọc T là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về quan hệ tài sản: Không có, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Không có, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Đ và anh Võ Thành T là vợ chồng.

2. Về quan hệ nuôi con: Chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Lê Thị Đ.

Chị Lê Thị Đ được quyền tiếp tục nuôi dưỡng Võ Ngọc T, sinh ngày 14/7/2005 và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không yêu cầu.

Chị Đ, anh T có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục con chung không bên nào được quyền ngăn cấm.

Chị Đ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Về quan hệ tài sản: Không có.

4. Về quan hệ nợ: Không có.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006332 ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Đ đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: **Chị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.**

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND Tỉnh;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS Huyện;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Ngọc).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lê Văn Ngọc**

